TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 14/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Chí Cao

2/ Bà Ngô Thị Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2020/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 657/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 783/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2696/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3174/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Nguyên L, sinh năm 1982; địa chỉ: 301 đường L, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Mỹ T, sinh năm 1989; địa chỉ: 322/12B đường M, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Nguyên L và bà Huỳnh Mỹ T tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2013. Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Huỳnh Ái D, sinh ngày 14/10/2014.

Trong những năm gần đây, cả hai xảy ra nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm, tính cách, nhiều khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Kể từ sau khi có con thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi vã, xung đột, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân hơn 8 tháng nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án nhân dân Quận M giải quyết cho ly hôn với bà Huỳnh Mỹ T.

- Về con chung: Ông L đồng ý giao con chung là Trần Huỳnh Ái D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn:

Toà án nhân dân Quận M đã thực hiện thủ tục tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không đến Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 657/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nguyên L.

2. Ông Trần Nguyên L được ly hôn với bà Huỳnh Mỹ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2013không còn giá trị.

3. Về con chung: Bà Huỳnh Mỹ T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Huỳnh Ái D, sinh ngày 14/10/2014.

Vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ông Trần Nguyên L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Huỳnh Ái D 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 15 tháng 12 năm 2019 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông L phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được xác định theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông L phải chịu; được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0015039 ngày 11/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M; ông L còn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án số 657/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Tại phần định của Bản án sơ thẩm về yêu cầu của các đương sự có nội dung: "Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận" nhưng phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên buộc ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng là không đúng. Bởi lẽ: trong trường hợp này, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 6.000.000/tháng và được Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trong Bản án sơ thẩm, vì vậy không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phải xem xét, giải quyết và tuyên buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên nguyên đơn không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch"

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 657/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã vi phạm về việc giải quyết án phí gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên cần thiết phải kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Viện kiêm sát kháng nghị bản án của Tòa án theo thủ tục phúc thẩm không phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Ngày 05/5/2020 nguyên đơn ông Trần Nguyên L có bản tự khai với nội dung: Ông đồng ý với toàn bộ nội dung của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông không có ý kiến gì về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/4/2020 bị đơn bà Huỳnh Mỹ T có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung:

Bà có biết đến vụ việc ly hôn của bà và ông Trần Nguyên L và bà là bị đơn trong vụ việc ly hôn này. Trong quá trình chung sống thì giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, tính cách khác biệt nhau không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Và từ khi có con thì mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nhiều, thường xuyên cãi nhau, xung đột nhiều mặt trong cuộc sống mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn và ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe cũng như cuộc sống, tình cảm vợ chồng cũng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà mong Tòa án giải quyết nhanh chóng cho bà được ly hôn để bà sớm trở lại cuộc sống bình thường. Bà xin phép nêu ý kiến của mình về vụ việc ly hôn này là bà đồng ý ly hôn với ông Trần Nguyên L.

Con chung: Ông bà có 01 con chung là trẻ Trần Huỳnh Ái D sinh ngày 14/10/2014 thì bà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Những giấy tờ tống đạt của Tòa án thì mẹ bà là bà Võ Thị Ngọc N có nhận và giao cho bà nhưng bà đi làm xa nên không đến Tòa được.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngày 17/3/2020 nguyên đơn ông Trần Nguyên L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do bận công tác.

Ngày 27/4/2020 bị đơn bà Huỳnh Mỹ T có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt do bà đi làm xa không đến Tòa được. Đơn của bà T đã được chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 27/4/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

1. Về tố tụng:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán: Qua việc kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thu lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 290 và 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiên đúng các quy định tại các Điều 297, 298, 301 – 303, 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục bắt đầu phiên tòa và tranh tụng tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã và được đảm bảo thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70-73, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thời hạn kháng nghị: Ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân Quận M ra Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 857/2019/HNGĐ-ST và gửi bản án cho Viện kiểm sát vào ngày 09/12/2019, ngày 23/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận M ban hành Quyết định kháng nghị. Căn cứ Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì kháng nghị còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo quy định tại Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung kháng nghị: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì nhận thấy:

Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm về yêu cầu của các đương sự có nội dung: "ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận" nhưng phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên buộc ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng là không đúng. Bởi lẽ: trong trường hợp này, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 6.000.000 đồng/tháng và được Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con trong bản án sơ thẩm, vì vậy không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phải xem xét, giải quyết và tuyên buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên nguyên đơn không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ""*Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch;*"

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 857/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M đã vi phạm về việc giải quyết án phí gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm về nội dung án phí đã phân tích trên.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hôi đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số số 857/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M theo hướng đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị ngày 23/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng nghị được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt đương sự: Xét bà Huỳnh Mỹ T và ông Trần Nguyên L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông L theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình xét xử sơ thẩm, bà T đã được tống đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa, không nêu yêu cầu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa sơ thẩm ông L đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi chung Trần Huỳnh Ái D, sinh ngày 14/10/2014 mỗi tháng 6.000.000 đồng. Xét sự tự nguyện của ông L không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm là phù hợp với quy định pháp luật, tại Khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của cha mẹ đối với con chưa thành niên nên cần tuyên buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng như đã tự nguyện. Án sơ thẩm áp dụng điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: "*Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch;"* tuyên buộc ông L phải chịu án phí 300.000 đồng tại phần quyết định là phù hợp với quy định pháp luật nên không chấp nhận kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cũng như lời phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 657/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những phần khác của bán án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Trần Nguyên L phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Trần Nguyên L phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm d Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Viện kiểm sát kháng nghị bản án theo thủ tục phúc thẩm thuộc trường hợp không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 657/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nguyên L.

Quan hệ hôn nhân: Ông Trần Nguyên L được ly hôn với bà Huỳnh Mỹ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2013 cho ông Trần Nguyên L và và Huỳnh Mỹ T không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Giao con chung tên Trần Huỳnh Ái D, sinh ngày 14/10/2014 cho bà Huỳnh Mỹ T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ông Trần Nguyên L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Huỳnh Ái D 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 15 tháng 12 năm 2019 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Nguyên L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông L nếu ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông L phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được xác định theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông L phải chịu; được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0015039 ngày 11/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; ông L còn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

2.2. Án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí .

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Cao **Ngô Thị Kim Khánh** **Lê Phan Thị Minh Nguyệt**



Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- UBND Phường 2, Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Chí Cao Ngô Thị Kim Khánh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt


21-HNPT-5.2.20
1 000095 407219
24.03.2020 15:38
Trần Nguyên Lộc

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận M;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- UBND Phường 2, Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt